TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 266/2018/QĐST-HNGĐ

Bình Đại, ngày 31 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 356/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: **Phạm Thị B**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

Bị đơn: **Phan Văn Hùng E**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp T, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57 55, 57, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị B và anh Phan Văn Hùng E

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị B và anh Phan Văn Hùng E thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị B đồng ý để anh Phan Văn Hùng E tiếp tục nuôi con chung tên là Phan Hữu T, sinh ngày 09/11/2014.

Ghi nhận sự tự nguyện anh Phan Văn Hùng E không yêu cầu chị Phạm Thị B cấp dưỡng nuôi con.

Chị B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Hùng E trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Phạm Thị B tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018133 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Phạm Thị B được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã D (Số 68, Sổ ĐKKH năm 2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên